

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2024

Về việc Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lam

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Thế

Ông Nguyễn Thái Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2024/TLST- HNGĐ ngày 20/3/2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2024/QĐXX-ST ngày 27/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐ- ST ngày 05/6/2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Phương T; sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1986

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Cao Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh ngày 12/3/2014 và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng, cuộc sống cũng hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2015 anh D đi lao động ở nước ngoài cho đến năm 2017 anh về nước. Sau khi chồng về nước thì vợ chồng sống chung được khoảng 1 tháng là phát sinh

mâu thuẫn và cãi vã nhau mất tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về kinh tế. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Năm 2018 anh D đi lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay chưa về nước lần nào, vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Cao Thị Phương T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Văn D tại Nhật Bản mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho gia đình tại thôn H, xã K, huyện K, Hà Tĩnh, chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh D qua gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D hiện đang làm việc tại Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương anh D cư trú trước khi xuất cảnh qua mẹ anh là bà Trần Thị S (Trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, Hà Tĩnh); gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh Nguyễn Văn D do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm, điều kiện kết hôn, hôn nhân hợp pháp và mâu thuẫn vợ chồng như chị T khai là đúng. Gia đình đã báo với anh là chị T xin ly hôn, anh xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang sinh sống làm việc tại Nhật Bản không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh đồng thời gửi tài liệu liên quan đến vụ án về cho mẹ anh là bà Trần Thị S (Trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) nhận thay anh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 57, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điều 37, điều 39, Điều 464, điều 469 BLTTDS; Đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC -PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao tuyên xử:

- Chị Cao Thị Phương T ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về án phí: Áp dụng Điều 143; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Buộc chị Cao Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy anh Nguyễn Văn D thường xuyên liên lạc với gia đình tại thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhưng gia đình anh không cung cấp được cho Tòa án địa chỉ của anh đang cư trú. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Quá trình xác minh bà Trần Thị S mẹ anh D đồng ý nhận ủy quyền của anh để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh biết. Chị Cao Thị Phương T có đơn xin được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh D, chị T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Văn D được hình thành cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 12/3/2014 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là đúng với quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh D đi lao động nước ngoài đầu năm 2015. Năm 2017 anh D về nước vợ chồng chung sống được 1 tháng thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, không liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về kinh tế. Do vợ chồng sống mỗi người một nơi, không có điều kiện gần gũi, yêu thương, chăm sóc nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hiện tại, chị T xét thấy không còn tình cảm với anh D và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh D cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Văn D không đạt được mục đích đó. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Phương T.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị Phương T tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC -PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 28; Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị Phương T ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về án phí: Chị Cao Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000820 ngày 19/3/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam